

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2017/QĐ-ST ngày 25/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn Q Sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện TY, Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Kiều Thị L Sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: thôn M, xã P, huyện TY, Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

Chị L ủy quyền cho bố đẻ ông Kiều Văn X, sinh năm 1966, địa chỉ: thôn L, xã P, huyện TY, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị L, giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai anh Ngô Văn Q là nguyên đơn trình bày: Trước khi kết hôn anh và chị L được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Anh và chị L đăng ký kết hôn ngày 06/3/2012 tại UBND xã P, huyện TY, tỉnh Bắc Giang nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh và chị L. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh làm dâu ngay. Sau khi kết hôn hai năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Cuối năm 2014 do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và dần dần bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không ai chịu nhường ai nên cả hai đều xác định không về đoàn tụ với nhau được nữa. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng do vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên không về đoàn tụ được. Năm 2015 chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không bàn bạc gì với anh. Sau khi sang Nhật Bản chị L chỉ gọi điện về hỏi thăm sức khỏe con chứ hai vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau. Anh xác định vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã 02 năm nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn nhau.

Về con cái: Có 01 con chung là:

+ Cháu Ngô Nhật A Sinh ngày 04/9/2012

Hiện nay cháu A đang ở cùng anh và ông bà nội. Do chị L không ở Việt Nam nên không có điều kiện chăm sóc con. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau.

+ Con riêng: không có

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Kiều Thị L là bị đơn trình bày: Trước khi kết hôn hai vợ chồng chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 06/3/2012 tại UBND xã P, huyện TY, tỉnh Bắc Giang nơi chị và anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2015 chị được gia đình nhà chồng lo cho đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau khi sang Nhật Bản vợ chồng chung sống hòa thuận, đến tháng 9/2016 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không ai chịu nhường ai nên cả hai đều xác định không về đoàn tụ với nhau được nữa. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng do vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên không về đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q làm đơn xin ly hôn chị,

chị đồng ý. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn nhau.

Về con cái: Có 01 con chung là:

+ Cháu Ngô Nhật A Sinh ngày 04/9/2012

Hiện nay cháu A đang ở cùng bố và ông bà nội. Do chị không ở Việt Nam nên không có điều kiện chăm sóc con. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau.

+ Con riêng: không có

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Q và chị L đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã công bố các bản tự khai của anh Q, chị L có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên toà. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Ngô Văn Q, giao con chung cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Q và chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Q và chị L.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Q và chị L đề có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Chị L hiện nay đang cư trú tại Nhật Bản. Như vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị L có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2012 tại UBND xã P, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Số sổ 21/2012, Quyền sổ 01/2012 có xác nhận của UBND xã P. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Văn Q với chị Kiều Thị L: Anh Q và chị L đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau được một thời gian dài. Hai bên vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Anh Q và chị L đều thống nhất ly hôn nhau. Vì vậy cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho anh Q, chị L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Anh Q và chị L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Nhật A, sinh ngày 04/9/2012 hiện nay cháu đang ở cùng bố và ông bà nội và đề nghị giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy: Cần giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng và chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nhưng anh Q được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn Q được ly hôn chị Kiều Thị L.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Ngô Nhật A , sinh ngày 04/9/2012 cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Anh Ngô Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000511 ngày 18/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Q hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã P, TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Gia Lương

